

Số: 167/2025/QĐST-LĐ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC LAO ĐỘNG

V/v yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần giải quyết việc lao động gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Phạm Thị Bạch Tuyết

Thư ký phiên họp: Bà Thái Thị Yến - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp: Bà Trần Thị Lý Loan- Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc lao động thụ lý số: 143/2025/TLST-VLĐ ngày 30 tháng 7 năm 2025 về việc “Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc lao động số: 30/2025/QĐST-LĐ ngày 11 tháng 8 năm 2025; Quyết định hoãn phiên họp số 01/2025/QĐST-VLĐ ngày 22/8/2025, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu:* Bà Nguyễn Thùy M, sinh năm 1990; địa chỉ thường trú: TDP P, thị trấn L, tỉnh Hà Tĩnh (nay là xã L, tỉnh Hà Tĩnh); địa chỉ tạm trú: Số A, Tổ C, khu phố C, phường T, thành phố D, tỉnh Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh). Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Công ty TNHH D; địa chỉ: Số D, Đường số B, KCN Đ, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh). Vắng mặt.

- Bảo hiểm xã hội cơ sở T; địa chỉ: Khu phố E, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

- Bà Nguyễn Minh C, sinh năm 1993; địa chỉ: Số F, Đường F, Khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương (nay là phường D, Thành phố Hồ Chí Minh). Vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC LAO ĐỘNG:

- *Theo đơn yêu cầu giải quyết việc lao động và lời khai trong quá trình giải quyết bà Nguyễn Thùy M trình bày:*

Bà Nguyễn Thùy M có nhu cầu rút bảo hiểm nên bà có đến liên hệ Bảo hiểm xã hội T để rút bảo hiểm theo đúng quy định. Sau đó, bà được Bảo hiểm Thuận A thông báo thời điểm từ tháng 05 năm 2009 đến tháng 09 năm 2012 bà có ký hợp đồng lao động và làm việc tại Công ty TNHH D. Vào thời gian trên bà có cho bà Nguyễn Minh C mượn

giấy chứng minh nhân dân của bà để ký hợp đồng với Công ty TNHH D với tên của bà và tham gia bảo hiểm xã hội với tên của bà từ tháng 05 năm 2009 đến tháng 09 năm 2012. Thực tế trong thời gian trên bà không làm việc tại Công ty TNHH D. Trong khoảng thời gian trên bà làm việc tại công ty khác có tham gia BHXH theo thời gian trên.

Do đó, bà yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên hợp đồng lao động trong khoảng thời gian từ tháng 05 năm 2009 đến tháng 09 năm 2012 giữa bà Nguyễn Thùy M (do bà Nguyễn Minh C là người ký kết) với người sử dụng lao động là Công ty TNHH D bị vô hiệu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Minh C trình bày:

Vào thời điểm năm 2009, bà chưa đủ tuổi lao động nên không đủ điều kiện để ứng tuyển lao động, do không hiểu biết về mặt pháp luật nên bà đã mượn hồ sơ và thông tin cá nhân của bà Nguyễn Thùy M để làm hồ sơ lao động.

Bà đã mượn thông tin cá nhân của bà Nguyễn Thùy M và đã làm việc tại Công ty TNHH D khoảng từ tháng 05 năm 2009 đến tháng 09 năm 2012, sau đó bà nghỉ việc tại Công ty TNHH D. Khoảng thời gian từ tháng 05 năm 2009 đến tháng 09 năm 2012 bà Nguyễn Thùy M cũng đang làm việc tại Công ty khác.

Vì vậy, bà Nguyễn Thùy M đã bị đóng trùng bảo hiểm từ tháng 05 năm 2009 đến tháng 09 năm 2012.

Nay, bà Nguyễn Thùy M yêu cầu Tòa án tuyên Hợp đồng lao động từ tháng 05 năm 2009 đến tháng 09 năm 2012 giữa bà Nguyễn Thùy M và Công ty TNHH D thì bà đồng ý, bà không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu.

- Bảo hiểm xã hội cơ sở T trình bày:

Qua kiểm tra đối chiếu dữ liệu tham gia BHXH, bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) của Công ty TNHH D cho người lao động thì Công ty có tham gia BHXH, BHYT, BHTN cho bà Nguyễn Thùy M, sinh năm 1990, số CMND 183772914; số CCCD 042190018788, với mã số BHXH 7409170705 có quá trình tham gia BHXH, BHYT, BHTN từ tháng 05/2009 đến tháng 09/2012 đã được xác nhận quá trình đóng BHXH.

Căn cứ quy định của pháp luật về Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp, Bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp đề nghị Tòa án tuyên buộc theo quy định trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc đóng - hưởng của người lao động và không ảnh hưởng đến quyền lợi của người tham gia BHXH. Bảo hiểm xã hội cơ sở T đề nghị giải quyết vắng mặt.

- Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc lao động và đề nghị: Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Thư ký phiên họp và người yêu cầu; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật. Riêng Công ty TNHH D không chấp hành đúng pháp luật.

Về nội dung: Xét thấy, yêu cầu của bà Nguyễn Thùy M là có căn cứ, đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người yêu cầu bà Nguyễn Thùy M; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Minh C và Bảo hiểm xã hội cơ sở T có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Riêng Công ty TNHH D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ Điều 367 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt các đương sự.

[2] Xem xét yêu cầu của đương sự:

[2.1] Trong thời gian từ tháng 05/2009 đến tháng 09/2012, người lao động tên Nguyễn Minh C giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH D và được Công ty TNHH D, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp với mã số bảo hiểm xã hội là 7409170705. Tuy nhiên, bà C và bà M đều thừa nhận người ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH D và thực tế làm việc tại công ty T1 khoảng thời gian từ 05/2009 đến tháng 09/2012 là bà Nguyễn Minh C (do bà M cho bà C mượn hồ sơ xin việc).

[2.2] Xét thấy, lời khai của bà C, bà M phù hợp với xác nhận của Bảo hiểm xã hội cơ sở T. Bởi lẽ, trong khoảng thời gian từ tháng 05/2009 đến tháng 09/2012, bà M đang làm việc tại Công ty Cổ phần Đ và tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp với mã số 7408302230. Như vậy, chủ thể ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH D trong khoảng thời gian từ 05/2009 đến tháng 09/2012 là bà Nguyễn Minh C, không phải là bà Nguyễn Thùy M.

Theo khoản 1 Điều 17 của Bộ luật Lao động năm 2012 và khoản 1 Điều 15 của Bộ luật Lao động năm 2019, quy định về nguyên tắc giao kết hợp đồng lao động: “*Tự nguyện, bình đẳng, thiện chí, hợp tác và trung thực*”. Theo quy định về nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động tại khoản 2 Điều 19 của Bộ luật Lao động năm 2012, thì: “*Người lao động phải cung cấp thông tin cho người sử dụng lao động về họ tên, tuổi, giới tính, nơi cư trú, trình độ học vấn, trình độ kỹ năng nghề, tình trạng sức khỏe và vấn đề khác liên quan trực tiếp đến việc giao kết hợp đồng lao động mà người sử dụng lao động yêu cầu*” và khoản 2 Điều 16 của Bộ luật Lao động năm 2019, thì: “*Người lao động phải cung cấp thông tin trung thực cho người sử dụng lao động về họ tên, ngày tháng năm sinh, giới tính, nơi cư trú, trình độ học vấn, trình độ kỹ năng nghề, xác nhận tình trạng sức khỏe và vấn đề khác liên quan trực tiếp đến việc giao kết hợp đồng lao động mà người sử dụng lao động yêu cầu*”. Theo quy định về hợp đồng lao động vô hiệu tại điểm b khoản 1 Điều 50 của Bộ luật Lao động năm 2012, thì: “*Người ký kết hợp đồng lao động không đúng thẩm quyền*” và điểm b khoản 1 Điều 49 của Bộ luật Lao động năm 2019, thì: “*Người giao kết hợp đồng lao động không đúng thẩm quyền hoặc vi phạm nguyên tắc giao kết hợp đồng lao động quy định tại khoản 1 Điều 15 của Bộ luật này*”. Theo hướng dẫn tại Công văn số 1767/LĐTBXH-BHXXH ngày 31/5/2022 về việc người lao động mượn hồ sơ của người khác để giao kết hợp đồng lao động của Bộ L thì: “*...Trường hợp người lao động mượn hồ sơ của người khác để giao kết hợp đồng lao động là hành vi vi phạm nguyên tắc “trung thực” theo quy định tại khoản 1 Điều 15 của Bộ luật Lao động và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động theo quy định tại khoản 2 Điều 16 của Bộ luật Lao động. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 49 của Bộ luật Lao động đây là trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ...*”. Do đó, có cơ sở xác định việc bà C mượn hồ sơ cá nhân của bà M để giao kết hợp đồng lao động và tham gia bảo hiểm xã hội theo sổ BHXH số 7409170705 từ tháng 05/2009 đến tháng 09/2012 tại Công ty TNHH D là hành vi vi phạm nguyên tắc “trung thực” và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động, đây là trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ.

[2.3] Từ những nhận định trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thùy M về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thùy M với Công ty TNHH D theo sổ bảo hiểm xã hội số 7409170705 bị vô hiệu.

[2.4] Tại khoản 5 Điều 402 của Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định về xem xét yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu, thỏa ước lao động tập thể vô hiệu: “... *Tòa án phải giải quyết hậu quả pháp lý của việc tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu*”, chấp nhận yêu cầu của bà M và ý kiến của bà C về việc xác định người lao động tại Công ty TNHH D trong giai đoạn từ tháng 05/2009 đến tháng 09/2012 là bà Nguyễn Minh C, không phải là bà Nguyễn Thùy M. Bà M và bà C có quyền liên hệ cơ quan bảo hiểm xã hội có thẩm quyền để cải chính thông tin tại Sổ bảo hiểm xã hội mã số 7409170705.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về nội dung việc lao động, các thủ tục tố tụng, quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên họp là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về lệ phí: Bà Nguyễn Thùy M phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 33; điểm d khoản 2 Điều 35; điểm v khoản 2 Điều 39; Điều 146; Điều 149; Điều 361; Điều 366; Điều 367; Điều 370; Điều 371; Điều 372; Điều 401 và Điều 402 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 17; khoản 2 Điều 19; Điều 50; Điều 51 và Điều 52 của Bộ luật Lao động năm 2012;

- Căn cứ khoản 1 Điều 15; khoản 2 Điều 16; Điều 49; Điều 50 và Điều 51 của Bộ luật Lao động năm 2019;

- Căn cứ Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu giải quyết việc lao động của bà Nguyễn Thùy M.

- Tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thùy M với Công ty TNHH D (theo sổ bảo hiểm xã hội số 7409170705) bị vô hiệu.

- Xác định người lao động theo sổ bảo hiểm xã hội số 7409170705 không phải là bà Nguyễn Thùy M, sinh năm 1990, giới tính: Nữ, quốc tịch: Việt Nam, căn cước công dân số: 042190018788. Bà Nguyễn Thùy M và bà Nguyễn Minh C được quyền liên hệ với C1 có thẩm quyền để tiến hành thủ tục cải chính thông tin tại sổ bảo hiểm xã hội mã số 7409170705.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động: Bà Nguyễn Thùy M phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ tiền tạm ứng đã nộp theo Biên lai thu số 0005036 ngày 23/7/2025 của Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết trong thời hạn 10 (mười) ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Phòng thi hành án dân sự Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: HS.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỢP

Phạm Thị Bạch Tuyết